

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6020/UBND-GD

Uông Bí, ngày 21 tháng 10 năm 2022

V/v thẩm định và phê duyệt các khoản thu, chi
dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động
giáo dục năm học 2022-2023

Kính gửi: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Thực hiện Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2997/SGDĐT-KHTC ngày 20/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh V/v quán triệt thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ và văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2719/UBND ngày 22/9/2022 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Năm học 2022- 2023 trên địa bàn thành phố Uông Bí; Công văn số 2938/UBND 14/10/2022 của UBND thành phố về việc tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2022 2023; Công văn số 972/PGDĐT ngày 26/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm học 2022-2023"

Căn cứ tờ trình số 153/TTr-THLHP ngày 18/10/2022 gửi kèm theo Hồ sơ; Dự toán thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2022-2023 của trường tiểu học Lê Hồng Phong,

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí thẩm định và phê duyệt các khoản thu và dự toán chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được triển khai tại trường tiểu học Lê Hồng Phong năm học 2022-2023 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2022-2023			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí tổ chức bán trú tại trường					
1	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	313.956.000	313.956.000	-	114.000	Thu theo tháng
1.1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (80%)	251.100.000	251.100.000	-		
1.2	Chi cho cán bộ quản lý (20%)	62.856.000	62.856.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách (2 người)	33.993.675	33.993.675	-		
	- Thủ quỹ, y tế	12.186.315	12.186.315	-		
	- Kế toán	16.676.010	16.676.010	-		
2	Tiền ăn	1.211.760.000	1.211.760.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2022-2023			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
2.1	Tiền mua suất ăn bán trú	1.211.760.000	1.211.760.000	-	22.000	Suất ăn/ngày. Thu theo tháng
2.2	Các chi phí gián tiếp	16.524.000	16.524.000	-	6.000	Thu theo tháng
	- Tiền điện	2.848.365	2.848.365	-		
	- Tiền nước sinh hoạt	1.524.132	1.524.132			
	- Vật tư, đồ dùng vệ sinh,	12.151.503	12.151.503	-		
II	Kinh phí mua nước uống cho học sinh học 02 buổi/ngày	36.721.758	36.721.758	-	8.000	Thu theo kỳ học
1	Chi phí quan trắc, kiểm định nước	4.178.000	4.178.000	-		
2	Chi phí vật tư thay thế định kỳ và sửa chữa hệ thống lọc nước	5.869.000	5.869.000	-		
3	Điện	4.077.224	4.077.224	-		
4	Nước	2.867.534	2.867.534	-		
5	Chi mua đồ dùng (ca, cốc, can)	1.730.000	1.730.000	-		
6	Chi công cấp phát, bê nước (2 người)	18.000.000	18.000.000	-		
III	Kinh phí dịch vụ dạy học tiếng Anh làm quen lớp 1,2 (8.750đ/tiết X 8 tiết)	134.640.000	134.640.000	-	80.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (70%)	94.248.000	94.248.000	-		
2	Chi tại trường (30%)	40.392.000	40.392.000	-		
2.1	Chi cho cán bộ quản lý	34.411.500	34.411.500			
	- Thủ quỹ	1.674.000	1.674.000	-		
	- Kế toán	8.928.000	8.928.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách (2 người)	17.856.000	17.856.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh (7 người)	5.953.500	5.953.500	-		
2.2	Phục vụ vệ sinh	3.874.500	3.874.500	-		
2.3	Tiền điện	2.106.000	2.106.000	-		
IV	Kinh phí dịch vụ dạy học tiếng Anh lớp 3,4 có sự tham gia của người nước ngoài (30.000đ/tiết X 4 tiết)	146.880.000	146.880.000	-	120.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (80%)	117.504.000	117.504.000	-		
2	Chi tại trường (20%)	29.376.000	29.376.000			
2.1	Chi cho cán bộ quản lý	24.966.000	24.966.000	-		
	- Thủ quỹ	1.674.000	1.674.000	-		
	- Kế toán	6.138.000	6.138.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách (2 người)	12.834.000	12.834.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh (4 lớp)	4.320.000	4.320.000	-		
2.2	Phục vụ vệ sinh	3.556.620	3.556.620	-		
2.3	Tiền điện	853.380	853.380	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán chi 9 tháng năm học 2022-2023			Mức thu/học sinh	
		Số đơn vị đề nghị	Số thẩm định của UBND thành phố	Số chênh lệch	Số tiền (đồng)	Ghi chú
V	Kinh phí hoạt động giáo dục kỹ năng sống (15.000đ/tiết X 4 tiết)	271.080.000	271.080.000	-	60.000	Thu theo tháng
1	Chi trả đơn vị liên kết giảng dạy (80%)	216.864.000	216.864.000	-		
2	Chi tại trường (20%)	54.216.000	54.216.000			
2.1	Chi cho cán bộ quản lý	42.129.000	42.129.000	-		
	- Thủ quỹ	1.674.000	1.674.000	-		
	- Kế toán	9.486.000	9.486.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	16.740.000	16.740.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh (17 người)	14.229.000	14.229.000	-		
2.2	Phục vụ vệ sinh	3.768.300	3.768.300	-		
2.3	Tiền điện	8.318.700	8.318.700	-		
VI	Kinh phí dịch vụ dạy học môn Tin học (6.000đ/tiết X 70 tiết = 420.000 đ/năm học)	63.420.000	63.420.000	-	6.000	1 giờ học/ học sinh. Thu học kỳ
1	Chi trả nhà đầu tư (50%)	31.710.000	31.710.000	-		
2	Chi tại trường (50%)	31.710.000	31.710.000			
2.1	Chi hợp đồng giáo viên trực tiếp giảng dạy (2 người)	16.200.000	16.200.000			
2.2	Chi cho cán bộ quản lý	12.411.000	12.411.000	-		
	- Thủ quỹ	972.000	972.000	-		
	- Kế toán	2.592.000	2.592.000	-		
	- Lãnh đạo phụ trách	5.832.000	5.832.000	-		
	- Giáo viên quản lý học sinh	3.015.000	3.015.000	-		
2.3	Quản lý, vệ sinh phòng máy	1.620.000	1.620.000	-		
2.4	Tiền điện	1.479.024	1.479.024	-		

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu trường tiểu học Lê Hồng Phong nghiêm túc thực hiện các quy định như sau:

1. Thực hiện theo đúng nội dung các khoản thu, mức thu, dự toán chi được phê duyệt.

2. Chủ động phối hợp với Ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Kế hoạch thực hiện đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

3. Thực hiện công khai kết quả phê duyệt các khoản thu, mức thu đã được UBND thành phố phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục. Tiến hành niêm yết công khai tại bảng thông tin, website của nhà trường tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh trong nhà trường.

4. Mở sổ sách theo dõi, hạch toán tất cả các khoản thu, chi phát sinh vào sổ kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định của chế độ tài chính hiện hành. Việc thu tiền phải thông qua bộ phận tài vụ của nhà trường (kế toán, thủ quỹ). Ngay sau khi kết thúc năm học hoặc kết thúc dịch vụ, thực hiện quyết toán từng khoản thu và được công khai bằng văn bản tới tất cả cha mẹ học sinh và giáo viên nhà trường vào cuối năm học. Trường hợp cuối năm học số kinh phí còn dư thì trả lại cho cha mẹ học sinh, có chữ ký xác nhận. Tuyệt đối không được dùng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác.

5. Cuối năm học báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 34 gửi cơ quan quản lý trực tiếp (phòng Giáo dục và Đào tạo) trước ngày 15/6/2023 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./. *Thư*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- UBND xã phường (để phối hợp, giám sát);
- Lưu VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành